TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST Ngày: 07-8-2018 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thùy L,** sinh năm 1987; (có mặt)

Nơi thường trú: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi tạm trú: 132AC, đường TH, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Trần Thị Thùy L trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C vào ngày 26-3-2007. Hôn nhân giữa anh chị trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc được đến năm 2011 thì anh T quen người con gái khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau khi quen người con gái đầu tiên

khoảng 04 năm thì anh T lại tiếp tục quen một người khác, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Năm 2013, chị nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án thì anh T hứa thay đổi nên chị rút lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó anh T vẫn không thay đổi gì. Từ tháng 5-2018 đến nay, chị và anh T đã sống ly thân, chị đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 06-6-2008 hiện đang sống với anh T, chị đồng ý để cho anh T trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Từ khi sinh con ra, vợ chồng sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, nuôi con đến khi 18 tháng thì hai vợ chồng cùng đưa con về cho mẹ anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. *Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh thống nhất với chị L về thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là không đúng, những người mà chị L cho rằng là bạn gái của anh chỉ là bạn bè bình thường. Các bức hình chị L nộp cho Tòa là các bức hình đã lâu, hiện anh không còn liên lạc với những người này nữa. Từ lúc sinh con ra được khoảng vài tháng thì chị L cũng không nuôi con mà tự đem về giao cho mẹ anh nuôi dưỡng. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh T có ý kiến nếu Tòa cho ly hôn thì anh đồng ý nuôi cháu V và nhận cấp dưỡng như phía chị L đề nghị.

Tại phiên tòa,

- Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh T và xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh T có nhiều mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường cãi vả nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Đồng thời, chị đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi con chung, chị cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; các vấn đề khác chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con, cấp dưỡng giữa chị L và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T tranh chấp về ly hôn; anh T hiện cư trú trên địa bàn huyện Cai Lậy. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Nguyễn Văn T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thùy L là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh T chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L là do anh T có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng anh T hứa sẽ sửa đổi nên chị đã rút lại đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 129/2013/QĐST-HNGĐ ngày 14-11-2013. Tuy nhiên, sau đó thì anh T vẫn không thay đổi nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với anh T thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể hàn gắn được nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Qua xem xét ý kiến của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập được trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L, anh T chính quyền địa phương không biết được do sau khi kết hôn thì hai bên chuyển đến địa điểm khác sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn do chị L trình bày Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T thừa nhận 04 bức hình mà chị L cung cấp thể hiện anh chụp chung với những người phụ nữ khác là trong thời kỳ hôn nhân, nhưng đó là những người bạn bình thường của anh, không có quan hệ nam nữ, tuy nhiên anh T không có chứng cứ gì để chứng minh họ là bạn bè bình thường với anh. Hơn nữa, anh T đã biết vào năm 2013, chị L đã nộp đơn xin ly hôn anh, anh có hứa sửa đổi bản thân để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nay chị L lại tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh đã thể hiện tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Trong quá trình hòa giải, anh T không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị L thì cương quyết ly hôn; anh T không đến dự phiên tòa để có thể hàn gắn tình cảm, xem như không còn quan tâm đến hôn nhân với chị L nữa. Hiện anh T và chị L cũng không còn chung sống vợ chồng từ lúc chị L đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Vợ chồng

có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm giữa anh T và chị L đã không còn đáp ứng với quy định này, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 06-6-2008. Cháu V có nguyện vọng sống cùng cha sau khi cha mẹ ly hôn. Trước khi mở phiên tòa, giữa chị L và anh T cũng thỏa thuận được anh T sẽ là người trực tiếp nuôi con, chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét sự thỏa thuận giữa anh T, chị L là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T thống nhất trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy L là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình và thỏa thuận được về việc cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thùy L. Cho chị Trần Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn T.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 06-6-2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Thùy L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và lao động được. Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Chị Trần Thị Thùy L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15636 ngày 06-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên được trừ vào án phí, chị L còn phải nộp tiếp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Trần Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực